

Cao Bằng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

ĐIỂM TIÊU LUẬN

Lớp: Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương khoá 22

Môn: Phần 3. Tiểu luận

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Trần Cao Anh	8,00	Tám	33	Nguyễn Quỳnh Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Đặng Văn Ấy	8,25	Tám phẩy hai năm	34	Lý Hải Nam	7,50	Bảy phẩy năm
3	Hoàng Đức Chinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	35	Long Thị Nét	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nông Thanh Chuẩn	8,50	Tám phẩy năm	36	Đàm Thị Thu Nga	7,50	Bảy phẩy năm
5	Mã Thị Hồng Chuyên	8,00	Tám	37	Nguyễn Phương Nghĩa	8,00	Tám
6	Phạm Ngọc Cường	8,00	Tám	38	Trần Thị Hồng Ngoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Đàm Thế Dân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	39	Chu Mã Thị Nguyễn	8,00	Tám
8	Nông Thị Diệp	8,00	Tám	40	Trần Văn Nguyễn	8,00	Tám
9	Nông Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	41	Trần Minh Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hà Thế Dự	8,00	Tám	42	Đàm Văn Ninh	7,50	Bảy phẩy năm
11	Hà Văn Dương	8,00	Tám	43	Hà Văn Tân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Ngân Thế Duyệt	7,50	Bảy phẩy năm	44	Hà Hữu Thạch	7,00	Bảy
13	Dương Tuấn Đạt	8,00	Tám	45	Nông Minh Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Nông Thị Đẹp	8,00	Tám	46	Lý Đức Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Tô Vũ Đức	7,50	Bảy phẩy năm	47	Nguyễn Tuấn Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Phan Thị Thu Hà	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Trịnh Đức Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Dương Thị Thu Hà	8,50	Tám phẩy năm	49	Nông Văn Thịnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Tô Thị Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Đặng Thị Kim Thoa	8,50	Tám phẩy năm
19	Triệu Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	51	Vi Thị Hồng Thoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Nguyễn Thị Minh Hòa	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Đào Đức Thông	8,00	Tám
21	Nguyễn Đức Hoàng	8,00	Tám	53	Vy Minh Thuận	8,25	Tám phẩy hai năm
22	Nông Văn Huân	8,00	Tám	54	Mạc Thị Ngọc Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Trần Thanh Hương	8,00	Tám	55	Đình Quang Toàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Hoàng Thu Hường	8,00	Tám	56	Nông Văn Toàn	8,25	Tám phẩy hai năm
25	Hồ Quang Huy	8,50	Tám phẩy năm	57	Lý Thị Thu Trang	8,00	Tám
26	Hoàng Quốc Khánh	8,00	Tám	58	Phan Anh Trung	8,25	Tám phẩy hai năm

27	Lục Hồng Kỳ	8,00	Tám	59	Bàng Văn Trung	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nông Hồng Lam	8,00	Tám	60	Phan Văn Tú	6,00	Sáu
29	Hoàng Thị Phương Lê	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nông Thị Tuế	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nông Thị Luyện	8,00	Tám	62	Ma Thanh Tùng	/	<i>Hoãn thi</i>
31	Hoàng Thị Lý	8,50	Tám phẩy năm	63	Chu Thị Tuyền	8,00	Tám
32	Nông Hồng Mai	8,25	Tám phẩy hai năm	64	Hoàng Quốc Vĩnh	7,50	Bảy phẩy năm

GHI ĐIỂM



Nguyễn Thu Hằng

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG




Trịnh Thị Ánh Hoa